

Bản án số: **16** /2022/HS-ST
Ngày 24 - 02 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thái Học
2. Bà Vũ Thị Ngọc Phan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải -Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Man Anh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HS, ngày 18 tháng 01 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Họ và tên **TẠ QUANG H**, sinh năm: 1983.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Tạ Quang H, sinh năm 1950 và bà: Hoàng Thị L, sinh năm 1959; Vợ: Hoàng Thị H, sinh năm 1984 và có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2013; Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ ba. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

1. Ông Lưu Văn T, sinh năm 1960

Nơi thường trú: Xóm B, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Ông Tấn có mặt tại phiên tòa)

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961

Nơi thường trú: Xóm B, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Bà Hòe vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Lưu Thị H, sinh năm 1982.

Nơi thường trú: Xóm B, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

2. Ông Phạm Quang K, sinh năm 1969.

Nơi thường trú: Xóm M, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1978

Nơi thường trú: Xóm B, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Xóm C, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

3. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 21/9/2021, TẠ QUANG H, sinh năm 1983, trú tại xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đang trông coi cá tại hồ Phụng Hoàng thuộc xóm Đ, xã T, huyện P thì nhìn thấy một con trâu cái màu đen nặng khoảng hơn 300kg đang ăn lúa ở gần hồ. Lúc này Hữu nhìn xung quanh không có ai trông giữ nên đã lén lút đi đến chỗ con trâu dắt về buộc trong vườn nhà của mình rồi tiếp tục đi ra trông giữ hồ. Đến khoảng 05 giờ 00 phút ngày 22/9/2021, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961, trú tại xóm B, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là chủ sở hữu con trâu, ngủ dậy ra vườn chỗ buộc trâu để cho trâu ăn thì không thấy con trâu của gia đình đâu, bà Hòe đi tìm xung quanh khu vực nhà mình nhưng không thấy, sau đó đi đến khu vực hồ Phụng Hoàng thuộc xóm Đ thì thấy Hữu đang ở hồ chăn cá, bà Hòe hỏi Hữu “Cháu ơi có thấy con trâu nào lạc đến đây không”, Hữu nói “Không”, bà Hòe tiếp tục đi tìm trâu.

Đến khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày bà Hòe quay lại gặp Hữu ở gần địa điểm lúc trước và hỏi “Chú có thấy con trâu nào chạy vào trong này không”, Hữu hỏi “trâu nhà bà là trâu đực hay cái”, bà Hòe nói “trâu cái”, Hữu nói “tối qua có thấy con trâu chạy về hướng xóm Chám”, bà Hòe theo hướng Hữu chỉ tiếp tục đi tìm trâu, còn Hữu đi về nhà di chuyển con trâu sang buộc tại bãi cây keo của nhà Hữu, cách vị trí ban đầu khoảng 160m. Khoảng 08 giờ ngày 24/9/2021 Hữu gọi ông Phạm Quang K, sinh năm 1969, trú tại xóm M, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên đến nhà để bán trâu. Khi ông Kỷ đến Hữu đã bán cho ông Kỷ 02 con trâu (trong đó có 01 con trâu cái nhỏ màu đen của nhà Hữu bán với giá 23.500.000 đồng và 01 con trâu cái to, màu đen mà Hữu dắt trộm về với giá 25.900.000 đồng. Sau khi trả tiền cho Hữu ông Kỷ đi về thuê anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975, trú tại xóm Cầu Ngâm, xã T huyện P, tỉnh Thái Nguyên đến nhà Hữu chở trâu, anh Tấn chở con trâu cái nhỏ về trước cho ông Kỷ sau đó quay lại chở con trâu cái to, khi trở về đến khu vực nghĩa trang xã T thì gặp anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1978, trú tại xóm B, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, anh Lương thấy con trâu anh Tấn đang trở giống với con trâu bị mất của gia đình bà Hòe nên đã liên lạc cho ông Lưu Văn T, sinh năm 1960, trú tại xóm B, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (là chồng của bà Hòe) đến để xem có phải trâu bị mất không, khi ông Tấn đến đã nhận ra đúng con trâu của nhà mình nên giữ lại trình báo Công an xã T, huyện P còn ông Kỷ thấy con trâu có tranh chấp nên bảo mang quay lại trả cho Hữu và lấy lại tiền thì có Công an xã T đến nhà Hữu lập biên bản sự việc rồi bàn giao cho Công an xã B lập hồ sơ chuyển đến Công an huyện P để tiến hành điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 01/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã tiến hành cân con trâu cái của gia đình ông Tấn bị mất có trọng lượng là 369 kg. Ngày 07/10/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã ra yêu cầu định giá tài sản số 97 gửi Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P xác định giá trị 01 con trâu cái nặng 369kg. Tại bản kết luận định giá tài sản số: 86/KL-HĐĐGTS, ngày 07/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận con trâu cái có trọng lượng 369 kg có giá trị là **30.135.000 đồng**.

Về xử lý vật chứng: 01 con trâu cái nặng 369kg có giá trị 30.135.000 đồng. Hiện được trả lại cho chủ sở hữu quản lý chăm sóc.

Tại Cơ quan điều tra TẠ QUANG H đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của Hữu là có căn cứ, phù hợp với nội dung đơn trình báo; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện

trường; Vật chứng thu giữ; Kết luận định giá tài sản; Lời khai của bị hại; Lời khai của người làm chứng; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa bị cáo TẠ QUANG H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS-PB ngày 18/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố TẠ QUANG H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo TẠ QUANG H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1,2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt TẠ QUANG H từ 12 đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại không có tranh luận gì.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất để bị cáo cải tạo sớm trở về với gia đình trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đối với việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại là bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lưu Thị H, ông Phạm Quang K và những người làm chứng trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy, bà Hòe đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Hòe, chị Hương, ông Kỷ không yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại gì, những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa đều đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra. Do vậy, sự vắng mặt của của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, không làm ảnh hưởng đến tính khách quan, toàn diện của vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Hữu khai nhận vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 21/9/2021, tại khu vực cánh đồng lúa thuộc xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. TẠ QUANG H đã lén lút thực hiện hành vi dắt trộm 01 con trâu cái màu đen nặng 369 kg có giá trị 30.135.000 đồng của gia đình bà Nguyễn Thị H, trú tại xóm B, xã B, huyện P mang về buộc tại nhà mình rồi đem bán cho ông Phạm Quang K, trú tại xóm M, xã T huyện P lấy 25.900.000 đồng, lời khai nhận tội của bị cáo đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố và phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ khẳng định:

TẠ QUANG H là người đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếm đoạt tài sản của gia đình bà Nguyễn Thị H, ông Lưu Văn T 01 con trâu trị giá 30.135.000 đồng (Ba mươi triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo TẠ QUANG H có đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường

hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng.

[4] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bức xúc cho nhân dân, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương còn là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác. Hành vi đó cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng biện pháp cải tạo cách ly đối với bị cáo mà có thể áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo TẠ QUANG H được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách là cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung và thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta. Đồng thời cần tuyên rõ hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Từ những căn cứ nêu trên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có thể cân nhắc xem xét một mức án tương ứng phù hợp với nhân thân, tính chất mức độ tội phạm do bị cáo gây ra.

[5]. Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo TẠ QUANG H, buộc bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 24 tháng 02 năm 2022 cho đến khi bị cáo chấp hành án. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo với bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên HĐXX không xem xét

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và những vấn đề khác của vụ án là phù hợp với quy định của Pháp luật cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ, áp dụng pháp luật:

- Khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1,2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự.

- Khoản 2 Điều 136, 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo TẠ QUANG H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt

- TẠ QUANG H **12** (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo TẠ QUANG H cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (là bị cáo TẠ QUANG H) nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ **02** lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo TẠ QUANG H buộc bị cáo không được phép đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 24 tháng 02 năm 2022 cho đến khi bị cáo đi chấp hành án. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để quản lý, theo dõi.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo TẠ QUANG H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Có mặt bị cáo (TẠ QUANG H), bị hại (ông Lưu Văn T) báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại (bà Nguyễn Thị H), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (chị Lưu Thị H, ông Phạm Quang K) báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Bị cáo, BH, NLQ;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy